

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26-3-2026

V/v tranh chấp ly hôn, giải
quyết việc nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mùi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lý Minh Phúc – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Việt T, sinh năm 1997. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số C, thôn B xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. (Nay là Số C, thôn B xã Đ, tỉnh Lâm Đồng)

2. *Bị đơn:* Anh Trần Xuân M, sinh năm 1994. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số D N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (Nay là số D N, phường R, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ nguyên đơn chị Trịnh Thị Việt T trình bày:

Vào năm 2017, chị và anh Trần Xuân M tự nguyện quen biết yêu thương nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên chị và anh M tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân

dân xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 19/9/2017. Trong quá trình chung sống chị và anh M có 01 người con chung tên Trần Cát Vũ Hàn V, sinh ngày 02/10/2017, hiện cháu V đang sống cùng chị T. Về tài sản chung và nợ chung thì không có.

Chị T xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, tính tình không hợp nhau, anh M không chịu đi làm chỉ ở nhà chơi game, không lo kinh tế cho cuộc sống gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con, hai người không có tiếng nói chung dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng.

Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn cùng anh Trần Xuân M.

Về việc nuôi con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Trần Xuân M:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M nhưng anh M vẫn cố tình vắng mặt tại Toà, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh M đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa anh Trần Xuân M vắng mặt.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Trịnh Thị Việt T đối với bị đơn anh Trần Xuân M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn với anh M. Xét thấy đây là tranh chấp về ly hôn, giải quyết việc nuôi con, bị đơn anh M có nơi cư trú tại số D N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (Nay là số D N, phường R, tỉnh An Giang) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày

25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tổ tụng dân sự, Luật tổ tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải đối thoại tại Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị T và anh M nhưng chị T và anh M vắng mặt tại phiên tòa, riêng chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh M không có lý do chính đáng, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh M theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh M chung sống với nhau vào năm 2017 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 19/9/2017, do đó hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian đầu sau khi cưới nhau, chị T và anh M chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2020 cho đến nay, giữa anh chị bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng không hàn gắn được, từ khi anh chị ly thân đến nay giữa chị T và anh M không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị T đoàn tụ gia đình, nhưng chị T vẫn kiên quyết ly hôn với anh M. Đồng thời Tòa án cũng tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M nhiều lần nhưng anh M không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T, điều này chứng tỏ anh M cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T.

Qua đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh M là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh M.

[5] Về việc nuôi con chung:

Quá trình chung sống với nhau, chị T và anh M có 01 (một) người con chung tên Trần Cát Vũ Hàn V, sinh ngày 02/10/2017. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu trên của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi chị T và anh M không chung sống đến nay, cháu V do chị T chăm sóc và nuôi dưỡng, chị T vẫn đảm bảo việc chăm sóc cháu V về mặt vật chất và tinh thần, hơn nữa căn cứ vào bản tự khai ngày 03/3/2026 thì cháu V cũng có nguyện vọng sống cùng chị

T, nguyện vọng cháu V cũng phù hợp với yêu cầu của chị T. Do vậy, Hội đồng xét xử xét nên giao V cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Trong thời gian chị T nuôi dưỡng cháu V, anh M được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh M vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh M về phần tài sản và nợ chung giữa chị T và anh M. Mặt khác, tại Tòa án chị T xác nhận trong thời gian chung sống cùng anh M, anh chị không có tài sản chung cũng như không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[8] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[9] Về án phí: Nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35, 39 và Điều 40; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải đối thoại tại Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị Việt T ly hôn với anh Trần Xuân M.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Cát Vũ Hàn V, sinh ngày 02/10/2017 cho chị Trịnh Thị Việt T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Trần Xuân M được quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trịnh Thị Việt T không yêu cầu anh Trần Xuân M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trịnh Thị Việt T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Việt T phải nộp 300.000 đồng nhưng chị T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003822 ngày 27/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Khánh Hoà), chị T không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị Việt T và anh Trần Xuân M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 1 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 1 – An Giang;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Khánh Hoà
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã Đình Trang Thượng, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Quyên

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND TP Rạch Giá;
- CCTHADS TP Rạch Giá;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã Đinh Trang Thượng, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Quyên

